

Số: 215/QĐ-ĐHĐN

Đồng Nai, ngày 5 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v. Ban hành Quy định chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ,
tin học đối với sinh viên chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

- Căn cứ Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Căn cứ Thông tư số 20/TT-BGDĐT, ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bãi bỏ các quy định về kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ “Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Đồng Nai” ban hành kèm theo Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 21/01/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-ĐHĐN ngày 28/12/2011 của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai về việc công bố chuẩn đầu ra đối với các ngành đào tạo;
- Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ, tin học đối với sinh viên chính quy”.

Điều 2: Quy định này áp dụng đối với sinh viên các hệ cao đẳng, đại học chính quy của trường Đại học Đồng Nai, thay thế các quy định trước đây của Nhà trường về chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ, tin học.

Điều 3: Lãnh đạo các đơn vị thuộc trường, sinh viên chính quy đang theo học tại trường và các bên liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu KT-ĐBCL, VT.



TS. Trần Minh Hùng

**QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
ĐỐI VỚI SINH VIÊN CÁC HỆ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 215/QĐ-ĐHĐN, ngày 5 tháng 3 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai)

Trường Đại học Đồng Nai quy định chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ, tin học của các ngành đào tạo đại học, cao đẳng chính quy, cụ thể như sau:

I. Về chuẩn trình độ ngoại ngữ

1. Đối với các ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy (trừ chuyên ngành tiếng Anh), sinh viên phải đạt yêu cầu về chứng chỉ như sau:

- Trình độ đại học: Có chứng chỉ B1 (khung 6 bậc) hoặc chứng chỉ tương đương trình độ B1 của một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nhật, Trung, Hàn.

- Trình độ cao đẳng: Có chứng chỉ A2 (khung 6 bậc) hoặc chứng chỉ tương đương trình độ A2 của một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nhật, Trung, Hàn.

2. Đối với các ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chuyên ngành tiếng Anh chính quy, sinh viên phải đạt yêu cầu về chứng chỉ như sau:

- Trình độ đại học: Có chứng chỉ B1, chứng chỉ tương đương trình độ B1 của một trong bốn thứ tiếng: Pháp, Nhật, Trung, Hàn.

- Trình độ cao đẳng: Có chứng chỉ A2, chứng chỉ tương đương trình độ A2 của một trong bốn thứ tiếng: Pháp, Nhật, Trung, Hàn.

3. Các chứng chỉ được sử dụng thay thế:

** Trình độ A2, dành cho sinh viên cao đẳng:*

Số TT	Tiếng	Chứng chỉ	Chứng chỉ tương đương
1	Tiếng Anh	A2 Hoặc Chứng nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ cao đẳng (do Trường Đại học Đồng Nai cấp, có giá trị nội bộ, chỉ áp dụng đối với sinh viên cao đẳng từ khóa 43 trở về trước)	TOEIC 300
			TOEFL iBT 25
			IELTS 3.5
			PET (Từ 120 đến 139 điểm)
2	Tiếng Pháp	A2	DELTA A2
			TCF 200-300
3	Tiếng Trung	A2	HSK cấp độ 2
4	Tiếng Hàn	A2	TOPIK sơ cấp 2
5	Tiếng Nhật	A2	JLPT N5

*** Trình độ B1, dành cho sinh viên đại học:**

Số TT	Tiếng	Chứng chỉ	Chứng chỉ tương đương
1	Tiếng Anh	B1 Hoặc Chứng nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học (do Trường Đại học Đồng Nai cấp, có giá trị nội bộ, chỉ áp dụng đối với sinh viên đại học từ K7 trở về trước)	TOEIC 400
			TOEFL iBT 32
			IELTS 4.5
			PET (Từ 140 điểm trở lên)
2	Tiếng Pháp	B1	DELTA B1
			TCF 300-400
3	Tiếng Trung	B1	HSK cấp độ 3
4	Tiếng Hàn	B1	TOPIK trung cấp 3
5	Tiếng Nhật	B1	JLPT N4

4. Các đối tượng được miễn chứng chỉ ngoại ngữ:

- Sinh viên các ngành không chuyên Anh đã có bằng cao đẳng, đại học chuyên ngành một trong năm thứ tiếng Anh, Pháp, Nhật, Trung, Hàn;
- Sinh viên chuyên ngành tiếng Anh đã có bằng cao đẳng, đại học chuyên ngành một trong bốn thứ tiếng, Pháp, Nhật, Trung, Hàn;
- Sinh viên là người nước ngoài theo học cao đẳng, đại học tại Trường Đại học Đồng Nai.

II. Về chuẩn trình độ tin học

1. Đối với các ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học chính quy: sinh viên phải có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản trở lên.

2. Các đối tượng được miễn chứng chỉ tin học:

- Sinh viên chuyên ngành công nghệ thông tin;
- Sinh viên có bằng trung cấp, cao đẳng hoặc đại học chuyên ngành công nghệ thông tin.

III. Một số quy định khác

1. Trường Đại học Đồng Nai chỉ công nhận các chứng chỉ A2, B1 ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Nhà trường và các trường đại học, viện, sở giáo dục và đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cấp (danh sách phụ lục kèm theo thông báo này).

2. Các chứng chỉ mà sinh viên Trường Đại học Đồng Nai dùng để xét chuẩn đầu ra sẽ được xác minh, kiểm tra pháp lý 100%.

3. Quy định này áp dụng từ năm học 2019-2020 đối với sinh viên cao đẳng, đại học chính quy đang học tại Trường Đại học Đồng Nai.

4. Các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học được chấp nhận về thời gian là các chứng chỉ được cấp kể từ thời điểm sinh viên nhập học vào Trường. Sinh viên có chứng chỉ A, B ngoại ngữ cũ, cấp trước ngày 15/1/2020 và chứng chỉ A, B tin học cũ cấp trước ngày 15/12/2016 bởi các trường đại học công lập, các sở giáo dục và đào tạo vẫn được công nhận để xét chuẩn đầu ra.

5. Chứng nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học, cao đẳng do Trường Đại học Đồng Nai cấp chỉ có giá trị xét chuẩn đầu ra cho sinh viên chính quy các hệ cao đẳng từ K43 trở về trước và đại học K7 trở về trước.

6. Quy định này thay thế cho các Quy định số 956/QĐ-ĐHĐN ngày 28/12/2011, Quy định số 499/ QĐ-ĐHĐN ngày 11/08/2014, Quy định số 888/ QĐ-ĐHĐN ngày 15/9/2016, Quy định số 1423/ QĐ-ĐHĐN ngày 8/12/2016, Quy định số 1135/QĐ-ĐHĐN, ngày 28/8/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai về việc ban hành quy định chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ, tin học và điều chỉnh quy định chuẩn kiến thức bổ sung trình độ ngoại ngữ, tin học của các ngành đào tạo chính quy.

7. Các trường hợp đặc biệt hoặc không được nêu rõ tại quy định này sẽ do Hiệu trưởng nhà trường quyết định.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH

CÁC ĐƠN VỊ ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DỪNG CHO VIỆT NAM; CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN; CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ RA ĐỀ THI NGOẠI NGỮ, CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CHẤM THI NÓI VÀ VIẾT NGOẠI NGỮ

(Theo các Thông báo số 538/QLCL-QLVBC, số 5010/BGDĐT-QLCL, số 5615/BGDĐT-QLCL, số 332/BGDĐT-QLCL, số 468/BGDĐT-QLCL của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo)

A. CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DỪNG CHO VIỆT NAM (Tiếng Anh)

STT	TÊN ĐƠN VỊ
1	Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
2	Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
3	Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Huế
4	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
5	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
6	Trường Đại học Hà Nội
7	Đại học Thái Nguyên
8	Trường Đại học Cần Thơ
9	Trường Đại học Vinh
10	Học viện An ninh nhân dân
11	Trường Đại học Sài Gòn
12	Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh

B. CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

STT	TÊN ĐƠN VỊ
1.	Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội
2.	Viện Quốc tế Pháp ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
3.	Viện Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia Hà Nội
4.	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
5.	Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
6.	Trường Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
7.	Trung tâm Công nghệ thông tin - Đại học Thái Nguyên
8.	Trường Đại học Công nghệ thông tin truyền thông - Đại học Thái Nguyên
9.	Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên
10.	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên
11.	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
12.	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
13.	Trung tâm Phát triển phần mềm - Đại học Đà Nẵng
14.	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
15.	Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế
16.	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế
17.	Trường Đại học Trà Vinh
18.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

19.	Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội
20.	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
21.	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
22.	Trường Đại học Công nghệ Quản lý Hữu nghị
23.	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
24.	Viện Đại học Mở Hà Nội
25.	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang
26.	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên
27.	Trường Đại học Cần Thơ
28.	Trường Đại học Vinh
29.	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
30.	Trường Đại học Tôn Đức Thắng
31.	Trường Đại học Hòa Bình
32.	Trường Đại học Lạc Hồng
33.	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
34.	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
35.	Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
36.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
37.	Trường Đại học Tiền Giang
38.	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An
39.	Trường Đại học Tây Bắc
40.	Trường Đại học Nội vụ
41.	Trường Đại học Tây Nguyên
42.	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây
43.	Trường Đại học Nha Trang
44.	Học viện An ninh nhân dân
45.	Học viện Cảnh sát nhân dân
46.	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
47.	Trường Đại học An Giang
48.	Trường Đại học Thủ Dầu Một
49.	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
50.	Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh
51.	Trường Đại học Thái Bình
52.	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung
53.	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
54.	Trường Đại học Nam Cần Thơ
55.	Trường Đại học Hoa Lư
56.	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông
57.	Trường Đại học Hùng Vương
58.	Trường Đại học Phan Thiết
59.	Trường Đại học Trưng Vương
60.	Trường Đại học Hà Tĩnh
61.	Trường Đại học Thành Đông
62.	Trường Đại học Tài chính Marketing
63.	Trường Đại học Thái Bình Dương
64.	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ
65.	Trường Đại học Sài Gòn
66.	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
67.	Cục Tin học hóa (Bộ Thông tin và Truyền thông)
68.	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội
69.	Trường Đại học Bạc Liêu
70.	Trường Đại học Lâm nghiệp (Phân hiệu Đồng Nai)
71.	Trường Đại học Đông Đô
72.	Trường Đại học Kiên Giang

73.	Trường Đại học Phạm Văn Đồng
74.	Trường Đại học An ninh nhân dân
75.	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
76.	Trường Đại học Công nghệ Vạn Xuân
77.	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long
78.	Trường Đại học Thủy lợi
79.	Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh
80.	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
81.	Trường Đại học Duy Tân
82.	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải
83.	Trường Đại học Tân Trào
84.	Trường Đại học Buôn Ma Thuột
85.	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An
86.	Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh
87.	Trường Đại học Phú Yên
88.	Trường Đại học Tây Đô
89.	Trường Đại học Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh
90.	Trường Đại học Quy Nhơn
91.	Trường Đại học Trần Đại Nghĩa
92.	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
93.	Học viện Quản lý Giáo dục
94.	Trường Đại học Thông tin liên lạc
95.	Trường Đại học Nông lâm Huế
96.	Trường Đại học Lao động xã hội (cơ sở 2)
97.	Trường Đại học Cửu Long
98.	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
99.	Trường Đại học Đại Nam
100.	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
101.	Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng
102.	Trường Đại học Đồng Nai
103.	Trường Đại học Thương mại
104.	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì
105.	Trường Đại học Công nghiệp Vinh
106.	Trường Đại học Công đoàn
107.	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
108.	Trường Đại học Khánh Hòa
109.	Học viện Ngân hàng
110.	Trường Đại học Lâm nghiệp
111.	Trường Đại học Hạ Long
112.	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định
1 13.	Trường Đại học Đồng Tháp
1 14.	Học viện Tài chính
1 15.	Trường Đại học Y Dược Thái Bình
116.	Trường Đại học Đà Lạt
117.	Học viện Kỹ thuật Quân sự
118.	Trường Đại học Quốc tế Bắc Hà
119.	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh
120.	Trường Đại học Văn hóa, thể thao và du lịch Thanh Hóa
121.	Học viện Bưu chính viễn thông cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh
122.	Trường Đại học Văn Hiến
123.	Trường Đại học Hải Phòng
124.	Trường Đại học Bình Dương
125.	Trường Đại học Kinh tế tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
126.	Trường Đại học Luật Hà Nội

127.	Trường Đại học Hồng Đức
128.	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh
129.	Trường Đại học Nguyễn Trãi
130.	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên
131.	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị
132.	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình
133.	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương
134.	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình
135.	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long
136.	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
137.	Sở Giáo dục và Đào tạo Hậu Giang
138.	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh
139.	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận
140.	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước
141.	Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa - Vũng Tàu
142.	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên
143.	Sở Giáo dục và Đào tạo Cần Thơ
144.	Sở Giáo dục và Đào tạo Cà Mau
145.	Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu
146.	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định
147.	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ
148.	Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang
149.	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
150.	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái
151.	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn
152.	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên
153.	Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế
154.	Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai
155.	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An
156.	Sở Giáo dục và Đào tạo Đà Nẵng
157.	Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông
158.	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
159.	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình
160.	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc
161.	Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng
162.	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang
163.	Sở Giáo dục và Đào tạo Long An
164.	Sở Giáo dục và Đào tạo ĐắkLak
165.	Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang
166.	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp
167.	Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum
168.	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình
169.	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai
170.	Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên
171.	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương
172.	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh
173.	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng
174.	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La
175.	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa
176.	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam

C. CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ RA ĐỀ THI NGOẠI NGỮ; BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CHĂM THI NÓI VÀ VIẾT NGOẠI NGỮ

STT	TÊN ĐƠN VỊ
1	Trường Đại học ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội
2	Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
